

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/03/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+AMD	7:25	5+17	0+0		0+22	0+0	
2		P1+RP2+RC5	7:25	16+1+4	0+0+0		13+5+4	0+0+0	
3		P5+AMD	7:25	19+3	0+0		11+11	0+0	
4		TD3+BK6+BK4	9:25	20+0+0	0+0+0		17+0+0	0+0+0	CHUYEN 1 TD3-BK4CHUYEN 4 BK6-BK4
5		P4+AMD	9:25	19+3	0+0		18+4	0+0	
6		P3	9:25	21	0		22	0	
7		TD3+P5	11:25	19+0	0+0		14+8	0+0	
8		P4+P1	11:25	11+10	0+0		9+13	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ ĐI VỀ TRONG NGÀY p5-6NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2025	TO: P3 - AMD	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ - THÀNH	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN THANH THÂN	P3	88-89	2	17			69	XAYLAP	Vietnamese
2	HA XUÂN ĐẠT	P3	91-92	2	14	4	65	57	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BÁC	P3	90	1	10			71	XAYLAP	Vietnamese
4	VŨ ANH MINH	P3	85	1	8	2	18	77	T-TIN	Vietnamese
5	TRẦN ĐẠI NGHĨA	AMD	25	1	7			70	HLJOC	Vietnamese
6	THAN CANH THINH	AMD	27-28	2	14			75	TLJOC	Vietnamese
7	LE THANH TUNG	AMD	29	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	44	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG DUNG	AMD	45-46	2	12			72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM THANH HUNG	AMD	41	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG VĂN ĐÔNG	AMD	31	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ VĂN SÁU	AMD	37-38	2	14			67	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	32	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU NHAN	AMD	42	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ MẠNH HÀ	AMD	35-36	2	11			85	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH HỮU TÍNH	AMD	30	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN TOÀN	AMD	43	1	11			80	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI SỸ QUYÊN	AMD	34	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
19	TRƯỜNG LÊ ANH DUNG	AMD	39-40	2	18			96	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO CÔNG BÌNH	AMD	33	1	14			68	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN ĐỊNH	AMD	26	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	4	274	6	49	6	83	0		
2	AMD	17	1.201	22	153	0	0	22		
TOTAL		21	1.475	28	202	6	83	22		
WEIGHT KG			1.475		202		83			

GRAND TOAL: 1.760 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2025		TO: P1 - RP2 - RC5			AIRCRAFT: 416			ETD: 07:35		
FLIGHT: 2		FROM: VT			CREW: LHM - ĐỨC - DŨNG			ETA: 09:25		
CAM-1										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BABKIN A.M	P1	97	1	8	3	60	100	KH-THAC	Russian
2	KISELEV I. IU.	P1	98	1	9			100	KH-THAC	Russian
3	LÊ QUANG ANH HUNG	P1	83	1	4			62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG VINH	P1	83	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẠO MINH TUÂN	P1	90	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGỌC HUNG	P1	92	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ QUANG TRƯỞNG	P1	87	1	8			79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG HIẾU	P1	94	1	3			90	KH-THAC	Vietnamese
9	TẠ QUỐC VIỆT	P1	84-85	2	23			63	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN LONG BIÊN	P1	88	1	8			76	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐÌNH PHÚC	P1	95-96	2	16			63	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM ANH SƠN	P1	89	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
13	TÔ QUANG ANH	P1	86	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THE VINH	P1	91	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI HUY NGHIỆP	P1						79	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN THẮNG	P1	82	1	7			58	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM GIA ANH TUÂN	RP2	81	1	11	1	10	45	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TUÂN ANH	RC5	29	1	12			67	DVL	Vietnamese
19	LÊ DUY HUYNH	RC5	30-31	2	18	2	35	68	DVL	Vietnamese
20	ĐO MINH HOANG	RC5	32	1	17			75	DVL	Vietnamese
21	BUI HUY BĂNG	RC5	33	1	17			69	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P1	16	1.197	17	124	3	60	13		
2	RP2	1	45	1	11	1	10	5		
3	RC5	4	279	5	64	2	35	4		
TOTAL		21	1.521	23	199	6	105	22		
WEIGHT KG			1.521		199		105			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2025		TO: P5 - AMD			AIRCRAFT: 406			ETD: 07:30		
FLIGHT: 3		FROM: VT			CREW: VIỆT - SON - NNAM			ETA: 09:20		
XANH-1										
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ VĂN QUYẾT	P5	40	1	5			87	QUYẾT TH	Vietnamese
2	LÊ HỒNG ĐẠI	P5	99	1	5			75	D-HANH	Vietnamese
3	LÊ THỊ THANH TÂM	P5	93	1	2			57	D-HANH	Vietnamese
4	BUI VĂN BẠC	P5						73	KH-THAC	Vietnamese
5	CHU MINH HÙNG	P5	99	1	3	1	20	87	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN KHOA TRƯỜNG	P5	46	1	6			78	NIPI	Vietnamese
7	TRẦN VĂN LINH	P5						75	NIPI	Vietnamese
8	LÀ VĂN TÔI	P5	43-44	2	17			96	YTE	Vietnamese
9	TRẦN TRUNG HIỆU	P5	98	1	9			67	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN QUANG PHÚC	P5						54	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH DUNG	P5	45	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5	39	1	6			81	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TIẾN	P5	61-62	2	11			73	KH-THAC	Vietnamese
14	BUI SỸ CÔNG	P5	97	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	42,96	2	16			68	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG BA VINH	P5	41	1	6			63	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẠO VĂN THẮNG	P5	500	1	6			56	PSV	Vietnamese
18	LÊ XUÂN TÌNH	P5	60	1	3			73	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN HOANG TRINH	P5	500	1	5			62	PSV	Vietnamese
20	NGÔ QUANG HUÂN	AMD	92-93	2	10			70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN VIỆT THẮNG	AMD	87	1	8	3	35	77	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NHÀ	AMD	88	1	11			62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P5	19	1.344	19	110	1	20	11		
2	AMD	3	209	4	29	3	35	11		
TOTAL		22	1.553	23	139	4	55	22		
WEIGHT KG			1.553		139		55			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/03/2025	TO: TD3 - BK6 - BK4	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:58
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: KHOÀN - NPHÚ - THÀNH	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHẠM MINH TÂN	TD3	52-53	2	14	5	94	68	SEAMAP	Vietnamese
2	PHẠM QUANG VINH	TD3						69	SEAMAP	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN PHONG	TD3	33	1	3			78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HỒNG QUÂN	TD3	29-30	2	12			75	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN BA ĐỒNG	TD3	34	1	8			62	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN BÌNH	TD3	35-36	2	14			70	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT TOÀN	TD3	37-38	2	13			69	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VĂN LƯU	TD3	54-55	2	10			68	YTE	Vietnamese
9	LÊ NGỌC HAI	TD3	50-51	2	19			97	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN THANH HOANG	TD3	42	1	10	1	13	67	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN NGỌC THUỜNG	TD3	41	1	13			83	KH-THAC	Vietnamese
12	LÂM VĂN HẠNH	TD3	47-48	2	16			62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐOÀN ĐỨC	TD3	44	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC THUẬN	TD3	49	1	7			84	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HOÀNG HÙNG	TD3	31-32	2	14			88	KH-THAC	Vietnamese
16	HUYNH THANH TAM	TD3	39	1	3			91	KH-THAC	Vietnamese
17	TRƯƠNG VĂN QUANG	TD3	56	1	8	1	14	76	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN LỢI	TD3	43	1	7			64	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN THIÊN	TD3	45-46	2	14			78	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC TÂN	TD3	40	1	2			64	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

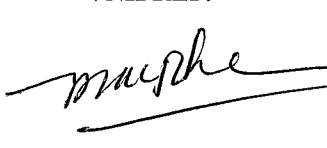
No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD3	20	1.494	28	197	7	121	17	1	CHUYEN 1 PAX TD3-BK4
2	BK6	0	0	0	0	0	0	0	4	CHUYEN 4 PAX BK6-BK4
3	BK4	0	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		20	1.494	28	197	7	121	19		
WEIGHT KG			1.494		197		121			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2025	TO: P4 - AMD	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: QVIỆT - SƠN - NNAM	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VÕ DUY TOÀN	P4	06	1	6	5	100	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DUY THAI	P4	832	1	3			74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VIỆT BANG	P4	83	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC HÙNG	P4	05	1	3			58	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG TUYẾN	P4	03	1	5			64	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	P4	09-10	2	14			87	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ HỒNG TÍN	P4	32	1	14			82	YTE	Vietnamese
8	NGUYỄN NHÂN HAI	P4	31	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN NGỌC TUẤN	P4	04	1	7			55	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ HOÀNG LONG	P4	07	1	4			77	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THAI SƠN	P4	08	1	7			59	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI MINH TUẤN	P4	45	1	3	3	23	68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HOÀNG	P4	831	1	15			88	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN TRUNG CHÍNH	P4						63	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN HUU HA	P4	02	1	11			76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TOÀN	P4	36	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ ANH THẮNG	P4	34-35	2	14			82	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN SƠN	P4	30	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐAM VĂN QUANG	P4	01	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
20	HO ANH QUOC	AMD	95	1	3			69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN MANH HUNG	AMD	96	1	15			85	KH-THAC	Vietnamese
22	BUI VĂN QUỐC	AMD	94	1	9			64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	19	1.325	20	133	8	123	18		
2	AMD	3	218	3	27	0	0	4		
TOTAL		22	1.543	23	160	8	123	22		
WEIGHT KG			1.543		160		123			

GRAND TOAL: 1.826 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2025	TO: P3	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:55
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - DUNG	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI THE DUONG	P3	698	1	8			67	KH-THAC	Vietnamese
2	LE DUC HUY	P3	15-17	3	12			80	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN QUOC BINH	P3	09-10	2	21			73	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN BUI NAM	P3	86	1	9			100	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN LE TUNG	P3	88	1	3			60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN THANH PHONG	P3	14	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
7	VU DUC HUNG	P3	697	1	5			89	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN HO THIEN TAM	P3	13	1	7			65	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VĂN THANH	P3	93	1	4			75	KH-THAC	Vietnamese
10	VU QUANG HUY	P3	99,900	2	14			47	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN NGOC THANH	P3	94	1	15			57	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN SY TINH	P3	95-96	2	17			62	XAYLAP	Vietnamese
13	HOANG PHAM ĐAI	P3	91-92	2	20			59	XAYLAP	Vietnamese
14	LA VAN ĐỨC	P3	05-06	2	18			62	XAYLAP	Vietnamese
15	TRAN VAN TUAN	P3	11-12	2	15			69	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN BA LUU	P3	97-98	2	19			67	XAYLAP	Vietnamese
17	VU TUAN ANH	P3	89-90	2	20			77	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN PHI DAN	P3	87	1	7			56	YTE	Vietnamese
19	VU XUAN TIEN	P3	85	1	9			70	PSV	Vietnamese
20	VU VAN PHUC	P3	07	1	11			53	PSV	Vietnamese
21	CAO DUY LUNG	P3	08	1	6			61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P3	21	1.421	31	247	0	0	22		
TOTAL		21	1.421	31	247	0	0	22		
WEIGHT KG			1.421		247		0			

GRAND TOAL: 1.668 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2025	TO: CLO -TD3 - P5 -VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 14:00
TRANG\3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN LƯƠNG TÂM	TD3	89-90	2	10	2	35	78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC TUÂN	TD3	91-92	2	15	1	20	68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN DỪNG	TD3	93-94	2	19			87	XAYLAP	Vietnamese
4	VÕ VĂN QUANG	TD3	76-77	2	17			63	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN BA CUÔNG	TD3	95-96	2	17			68	XAYLAP	Vietnamese
6	TRƯƠNG VĂN NGHĨA	TD3	83-84	2	19	1	5	71	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẦN HUY CUÔNG	TD3	87-88	2	20			54	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TỎ	TD3	97-98	2	20			50	XAYLAP	Vietnamese
9	LÊ VĂN NHÂN	TD3	78	1	7	1	17	70	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN TUÂN ANH	TD3	86	1	13	1	13	79	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN ĐẶNG QUYẾT	TD3	71	1	10			75	XAYLAP	Vietnamese
12	HOÀNG VIỆT HÙNG	TD3	85	1	5			74	PSV	Vietnamese
13	PHẠM VĂN HIẾU	TD3	82	1	7			62	DK9	Vietnamese
14	KOSHELEV PAVEL	TD3	69	1	5			89	KHOAN	Russian
15	DOROSHENKO MAXIM	TD3	70	1	7			96	KHOAN	Russian
16	ĐẶNG HUY LONG	TD3	72-73	2	9			66	KHOAN	Vietnamese
17	NGÔ DUY THÀNH	TD3	74-75	2	11			71	KHOAN	Vietnamese
18	LƯU QUYẾT THẮNG	TD3						67	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN TÙNG PHONG	TD3	80	1	10			73	VTB	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CLO	0	0	0	0	0	0	0		CHUYEN 1 PAX CLO-TD3
2	TD3	19	1.361	28	221	6	90	14		
3	P5	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		19	1.361	28	221	6	90	22		
WEIGHT KG			1.361		221		90			

GRAND TOAL: 1.672 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/03/2025	TO: P4 - P1	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:15
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: LHM - ĐỨC - DŨNG	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HOÀNG	P4	67	1	7			80	KH-THAC	Vietnamese
2	CHU VĂN ĐẠT	P4	65	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN BA	P4	56	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
4	HÀ TÂN DŨNG	P4	61	1	5			76	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	63	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ HỒNG TRUNG	P4	66	1	4			58	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI MẠNH CƯỜNG	P4	62	1	2	5	90	64	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI VĂN MẠNH	P4	64	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG THANH	P4	57	1	8	2	17	70	KH-THAC	Vietnamese
10	LY HUU THANG	P4	54-55	2	19			65	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HOA	P4	60	1	7			71	PSV	Vietnamese
12	PHẠM SỸ HIỆP	P1	24	1	4	1	3	62	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ NAM CƯỜNG	P1						72	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ HỒNG HAI	P1	88	1	13			63	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HỮU PHƯỚC	P1	22	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN PHIÊN	P1	19-20	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM HỒNG QUY	P1	89	1	10			72	DVL	Vietnamese
18	ĐOÀN MINH ĐẠT	P1	23	1	15			80	DVL	Vietnamese
19	PHẠM VĂN ĐẠM	P1	90,41	2	12			70	DVL	Vietnamese
20	SVYATOKHO VYACHESLAV	P1	25	1	5			84	NIPI	Russian
21	NGUYỄN ANH QUANG	P1	21	1	6			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	P4	11	752	12	72	7	107	9		
2	P1	10	713	11	80	1	3	13		
TOTAL		21	1.465	23	152	8	110	22		
WEIGHT KG			1.465		152		110			

GRAND TOAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN